

CÔNG TY
CỔ PHẦN
SẢN XUẤT
VÀ ĐẦU
TƯ HOÀNG
GIA

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ
HOÀNG GIA
DN: C=VN, L=ĐỒNG NAI, CN=
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT
VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:3501459505, E=
ROYALTHUE@YAHOO.COM.VN
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2026.05.04
17:38:54
+07'00'
Foxit PDF Reader Version:
2024.4.0

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA
Cho Quý 1-2026
(báo cáo tự lập)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo tình hình tài chính riêng	01-02
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	03
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	04-05
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	06-38

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
cho quý 1-2026**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2026	01/01/2026
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.493.263.823.343	1.427.302.306.262
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	10.881.775.674	9.700.484.089
111	1. Tiền		10.881.775.674	9.700.484.089
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	230.561.136.500	204.148.268.161
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		230.561.136.500	204.148.268.161
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		666.317.785.184	668.019.704.462
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	544.524.853.975	544.155.622.980
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	81.816.716.300	87.373.652.223
135	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	39.976.214.909	36.490.429.259
140	IV. Hàng tồn kho	8	548.435.141.910	522.102.619.297
141	1. Hàng tồn kho		548.435.141.910	522.102.619.297
160	VI. Tài sản ngắn hạn khác		37.067.984.075	23.331.230.253
161	1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	13	18.055.765.127	3.549.928.275
162	2. Thuế GTGT được khấu trừ		19.011.640.315	19.781.026.368
163	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	578.633	275.610
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		685.282.884.744	695.554.817.120
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.154.855.155	4.751.459.016
215	1. Phải thu dài hạn khác	7	5.154.855.155	4.751.459.016
220	II. Tài sản cố định		171.393.885.548	178.392.717.543
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	128.697.778.665	133.561.845.421
222	- Nguyên giá		551.809.064.916	550.999.604.916
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(423.111.286.251)	(417.437.759.495)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	42.696.106.883	44.830.872.122
225	- Nguyên giá		61.226.836.858	61.226.836.858
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(18.530.729.975)	(16.395.964.736)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	-	-
228	- Nguyên giá		565.248.000	565.248.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(565.248.000)	(565.248.000)
250	V. Tài sản dở dang dài hạn	9	1.854.884.000	1.854.884.000
252	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.854.884.000	1.854.884.000
260	VI. Đầu tư tài chính dài hạn	4	484.678.477.818	484.678.477.818
261	1. Đầu tư vào công ty con		394.678.477.818	394.678.477.818
262	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		90.000.000.000	90.000.000.000
270	VII Tài sản dài hạn khác		22.200.782.223	25.877.278.743
271	1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	13	22.200.782.223	25.877.278.743
280	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.178.546.708.087	2.122.857.123.382

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho quý 1-2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2026 VND	01/01/2026 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.495.398.278.384	1.440.860.792.252
310	I. Nợ ngắn hạn		1.450.005.429.156	1.378.126.930.766
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	231.483.895.507	233.789.985.696
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	79.329.580.406	62.717.360.593
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	14.145.322.770	14.951.437.642
315	4. Phải trả người lao động		9.655.319.168	11.690.935.153
316	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	17.899.724.161	9.556.011.410
320	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	12.392.161.945	12.556.479.100
		19		
321	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		1.062.452.794.013	1.010.218.089.986
323	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		22.646.631.186	22.646.631.186
330	II. Nợ dài hạn		45.392.849.228	62.733.861.486
331	1. Phải trả người bán dài hạn	14	35.155.092.676	49.216.060.600
338	2. Phải trả dài hạn khác	18	150.000.000	150.000.000
		19		
339	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		10.087.756.552	13.367.800.886
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		683.148.429.703	681.996.331.130
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	683.148.429.703	681.996.331.130
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		450.000.000.000	450.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		450.000.000.000	450.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		40.010.480.000	40.010.480.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		94.396.675.823	94.396.675.823
420	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		98.741.273.880	97.589.175.307
420a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		97.589.175.307	71.090.898.272
420b	LNST chưa phân phối năm nay		1.152.098.573	26.498.277.035
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.178.546.708.087	2.122.857.123.382

Nguyễn Thị Kim Loan
Người lập

Nguyễn Thị Kim Loan
Kế toán trưởng


Trương Văn Việt
Tổng Giám đốc


Đồng Nai, ngày 30 tháng 04 năm 2026


CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
cho quý I-2026**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Q1- 2026	Năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	434.879.170.286	467.087.507.481
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		434.879.170.286	467.087.507.481
11	4. Giá vốn hàng bán	24	397.633.530.516	421.902.783.807
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		37.245.639.770	45.184.723.674
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	2.651.784.975	3.191.180.114
22	7. Chi phí tài chính	26	16.331.076.709	15.362.554.222
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		16.146.131.750	14.480.962.835
25	8. Chi phí bán hàng	27	9.707.812.364	10.404.602.176
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	11.861.100.800	15.628.418.553
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.997.434.872	6.980.328.837
31	11. Thu nhập khác	29	66.060.174	1.854.466
32	12. Chi phí khác	30	614.823.176	91.165.803
40	13. Lợi nhuận khác		(548.763.002)	(89.311.337)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.448.671.870	6.891.017.500
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	296.573.297	1.595.286.377
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>1.152.098.573</u>	<u>5.295.731.123</u>


 Nguyễn Thị Kim Loan
 Người lập


 Nguyễn Thị Kim Loan
 Kế toán trưởng


 Trương Văn Việt
 Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 04 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

cho quý I-2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Q1- 2026	Năm 2024
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.448.671.870	39.790.068.145
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		7.893.176.995	32.093.232.589
03	- Các khoản dự phòng		-	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(30.667.977)	(3.865.763.750)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.488.200.394)	(8.577.195.070)
06	- Chi phí đi vay		16.146.131.750	74.687.538.163
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		22.969.112.244	134.127.880.077
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		1.073.903.546	(119.476.294.138)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(26.332.522.613)	106.460.919.665
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		5.206.331.049	(41.837.851.795)
12	- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ		(10.829.340.332)	19.546.749.195
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Chi phí đi vay đã trả		(16.065.437.877)	(74.107.075.339)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(771.780)	(15.348.552.796)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(6.700.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(23.978.725.763)	2.665.774.869
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(4.357.791.904)	(7.761.140.281)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	181.818.182
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(26.412.868.339)	(105.363.688.090)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	34.500.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(120.000.000.000)
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.421.903.017	5.687.096.562
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(27.348.757.226)	(192.755.913.627)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2025
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Q1- 2026	Năm 2024
			VND	VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	0. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	0. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.053.740.081.876	1.453.865.738.199
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(998.235.713.074)	(1.279.911.351.046)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(2.995.594.228)	(12.846.945.754)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		52.508.774.574	161.107.441.399
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		1.181.291.585	(28.982.697.359)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		9.700.484.089	38.628.487.195
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	54.694.253
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	10.881.775.674	9.700.484.089


Nguyễn Thị Kim Loan
Người lập


Nguyễn Thị Kim Loan
Kế toán trưởng




Trương Văn Việt
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 04 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2025

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3501459505 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ mười lăm ngày 21 tháng 07 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 450.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 03 năm 2026 là 450.000.000.000 VND; tương đương 45.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 là: 553 người (tại ngày 31 tháng 03 năm 2024 là:

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất gạch ceramic, granite, porcelain và vật liệu xây dựng từ đất sét.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất máy móc thông dụng khác. Chi tiết: Sản xuất máy móc thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: sản xuất gạch ceramic, granite;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ gỗ (đồ gỗ nội thất, mỹ nghệ...);
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho quý 1-2026

Trong năm 2025, mặc dù doanh thu của Công ty tiếp tục tăng trưởng 13,27% so với cùng kỳ năm 2024 từ 1.693,9 tỷ VND lên 1918,6 tỷ VND nhưng giá vốn đã tăng tới 18,32% so với giá vốn cùng kỳ năm 2024 từ mức 1.423,1 tỷ VND lên 1.684,6 tỷ VND. Mức tăng giá vốn cao hơn mức tăng doanh thu đã dẫn đến lợi nhuận gộp của Công ty đã giảm 36,81 tỷ VND, tương đương tỷ lệ giảm 13,59%. Nguyên nhân chủ yếu là do sự cạnh tranh gay gắt của thị trường gạch ốp lát khiến Công ty đẩy mạnh hoạt động bán hàng hóa- nguyên vật liệu (là hoạt động có biên lợi nhuận thấp), giảm hoạt động bán thành phẩm của Công ty (là hoạt động có biên lợi nhuận cao) để tăng khả năng thanh khoản, rút ngắn vòng quay vốn. Từ đó dẫn tới doanh thu tăng, giá vốn tăng nhưng lợi nhuận gộp giảm mạnh.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con Cho Quý 1-2026 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của toàn Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho quý I-2026

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho quý 1-2026

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm

2.7 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho quý I-2026

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu phát sinh các khoản chi phí sau ghi nhận ban đầu mà làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước về sử dụng thương hiệu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn quy định trong hợp đồng.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho quý 1-2026

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong Q1-2025 báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của Q1-2025 báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tính hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.21 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong Q1-2025 và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho quý 1-2026

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN

	<u>31/03/2026</u>	<u>01/01/2026</u>
	VND	VND
Tiền mặt	916.906.973	918.003.054
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.964.868.701	8.782.481.035
	<u><u>10.881.775.674</u></u>	<u><u>9.700.484.089</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

cho quý 1-2026

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	230.561.136.500	-	204.148.268.161	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (1)	230.561.136.500	-	204.148.268.161	-
	<u>230.561.136.500</u>	<u>-</u>	<u>204.148.268.161</u>	<u>-</u>

(1) Tại ngày 31/12/2025, các đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 đến 12 tháng có giá trị 130.284.580.071 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 2,9%/năm đến 6,3%/năm.

(2) Tại ngày 31/12/2025, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn là trái phiếu do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành có kỳ hạn 8 năm có giá trị 3.000.000.000 VND, thời gian đáo hạn là 22/06/2030 với lãi suất thả nổi.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/03/2026			01/01/2026		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	394.678.477.818		-	394.678.477.818		-
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal Sintered Stone (*)	394.678.477.818		-	394.678.477.818		-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	90.000.000.000		-	90.000.000.000		-
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	90.000.000.000		-	90.000.000.000		-
	<u>484.678.477.818</u>		<u>-</u>	<u>484.678.477.818</u>		<u>-</u>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

cho quý 1-2026

(*) Trong năm, Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal Sintered Stone đã tăng vốn điều lệ từ 250 tỷ VND lên 370 tỷ VND bằng hình thức góp vốn bằng dây chuyền máy móc thiết bị. Giá trị dây chuyền máy móc thiết bị có giá trị là 120.000.000.000 VND tương ứng tổng số tiền đầu tư thêm là 120.000.000.000 VND, tương đương với 12.000.000 cổ phần tại Công ty Sản xuất và Đầu tư Royal Sintered Stone làm tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal Sintered Stone tăng từ 88,71% lên 92%.

Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư:

<u>Tên Công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
<i>Công ty con</i>				
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal Sintered Stone	Đồng Nai	92,00%	92,00%	Cho thuê nhà xưởng, sản xuất vật liệu xây dựng
<i>Công ty liên kết</i>				
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	Đồng Nai	45,00%	45,00%	Sản xuất vật liệu xây dựng

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho quý 1-2026

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>37.025.016.138</i>	<i>-</i>	<i>19.017.061.869</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Vinagres	21.219.271.445	-	8.621.739.958	-
Royal American Wholesale	2.282.921.075	-	2.282.921.075	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia	8.369.969.288	-	8.112.400.836	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal	5.152.854.330	-	-	-
<i>Bên khác</i>	<i>507.499.837.837</i>	<i>-</i>	<i>525.138.561.111</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Quán Quân	222.458.206.573	-	217.644.030.270	-
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Quán Quân	57.037.263.025	-	57.736.976.114	-
Rc Flooring Distributor	15.781.680.622	-	15.781.680.622	-
Care About Trading Co., Ltd	39.330.116.250	-	41.802.339.604	-
Công ty TNHH Mylux Việt Nam	29.808.029.184	-	36.288.673.532	-
New Pacific Marble & Title	18.383.739.962	-	18.383.739.962	-
Các khách hàng khác	124.700.802.221	-	137.501.121.007	-
	<u>544.524.853.975</u>	<u>-</u>	<u>544.155.622.980</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
cho quý I-2026**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	14.486.990.806	-	26.588.108.707	-
Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh		-		-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal Sintered Stone	14.486.990.806	-	26.588.108.707	-
Bên khác	67.329.725.494	-	60.785.543.516	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh	33.123.498.032	-	29.528.971.739	-
Trả trước cho	34.206.227.462		31.256.571.777	
	81.816.716.300	-	87.373.652.223	-

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về lãi tiền gửi	3.261.333.907	-	4.255.036.530	-
Phải thu liên quan hoạt động thuê tài chính	1.067.010.344	-	1.067.010.344	-
Khoản giao xây dựng và mua lại tài sản (*)	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Phải thu khác	5.647.870.658	-	1.168.382.385	-
	39.976.214.909	-	36.490.429.259	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho quý 1-2026

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan	33.658.111.853		30.747.297.058	
Ông Huỳnh Sơn	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Tùng (*)				
Công Ty Cổ phần Sản Xuất và Đầu Tư Royal House	3.134.285.067	-	223.470.272	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal Sintered Stone	523.826.786	-	523.826.786	-
Bên khác	6.318.103.056		5.743.132.201	
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân Các ngân hàng	1.027.417.879	-	1.021.118.258	-
Các ngân hàng	3.261.333.907	-	4.255.036.530	-
Các đối tượng	2.029.351.270	-	466.977.413	-
	39.976.214.909	-	36.490.429.259	-
b) Dài hạn				
b.1) Chi tiết theo nội dung				
Ký cược, ký quỹ	5.154.855.155	-	4.751.459.016	-
	5.154.855.155	-	4.751.459.016	-
b.2) Chi tiết theo đối tượng				
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế	1.867.067.548	-	1.463.671.409	-
Các đối tượng	2.442.107.607	-	2.442.107.607	-
	845.680.000	-	845.680.000	-
	5.154.855.155	-	4.751.459.016	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho quý 1-2026

(*) Khoản thỏa thuận và giao việc cho ông Huỳnh Sơn Tùng theo biên bản thỏa thuận số 01/CTCP HST/BBTT ngày 07/09/2022 về việc ông Huỳnh Sơn Tùng chủ sở hữu lô đất 716 Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh thực hiện xây dựng tòa nhà văn phòng và showroom trên mảnh đất này và sau khi công trình hoàn thành sẽ tiến hành chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất cho Công ty.

Mục đích công việc nêu trên nhằm thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Tòa nhà văn phòng và showroom để mở rộng văn phòng làm việc và showroom trưng bày sản phẩm, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

Trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 24 tỷ VND còn giá trị xây dựng công trình dự kiến là 12 tỷ VND và có thể thay đổi khi có quyết toán xây dựng.

Công ty ứng trước cho ông Huỳnh Sơn Tùng số tiền 30 tỷ VND và đã thực hiện xong việc mua lô đất và xây dựng công trình trên đất. Hiện tại công trình đã hoàn thành phần xây dựng và đang tiến hành lắp đặt nội thất, trang thiết bị theo nhu cầu quản lý của Công ty, đồng thời hồ sơ hoàn công cũng đang được trình các cơ quan chức năng chờ phê duyệt.

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang	24.470.398	-	71.666.218	-
Nguyên liệu,	132.784.663.168	-	109.129.891.997	-
Công cụ, dụng	29.255.868.366	-	29.291.541.997	-
Chi phí sản xuất	5.314.860.362	-	3.144.942.049	-
Thành phẩm	238.879.036.015	-	240.788.554.958	-
Hàng hoá	135.849.101.768	-	134.053.832.773	-
Hàng gửi đi bán	6.327.141.833	-	5.622.189.305	-
	548.435.141.910	-	522.102.619.297	-

9 . TÀI SẢN DỮ DANG DÀI HẠN

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	1.854.884.000	1.854.884.000
- Thi công mái che, móng và sàn cho 2 cối nghiền xương 60 tấn	1.781.600.000	1.781.600.000
- Chi phí sử dụng phần mềm Misa Amis, phần mềm hóa đơn điện tử và gói triển khai phần mềm	73.284.000	73.284.000
	1.854.884.000	1.854.884.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

cho quý I-2026

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	125.529.593.431	412.627.619.437	5.753.969.791	3.944.152.222	3.144.270.035	550.999.604.916
- Mua trong năm	-	1.149.000.000	-	-	-	1.149.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(339.540.000)	-	-	-	(339.540.000)
Số dư cuối năm	125.529.593.431	413.437.079.437	5.753.969.791	3.944.152.222	3.144.270.035	551.809.064.916
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	86.848.307.000	321.802.863.448	4.548.418.435	3.116.480.600	1.121.690.012	417.437.759.495
- Khấu hao trong năm	1.265.259.170	4.207.053.575	118.765.782	88.726.470	78.606.759	5.758.411.756
- Thanh lý, nhượng bán	-	(84.885.000)	-	-	-	(84.885.000)
Số dư cuối năm	88.113.566.170	325.925.032.023	4.667.184.217	3.205.207.070	1.200.296.771	423.111.286.251
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	38.681.286.431	90.824.755.989	1.205.551.356	827.671.622	2.022.580.023	133.561.845.421
Tại ngày cuối năm	37.416.027.261	87.512.047.414	1.086.785.574	738.945.152	1.943.973.264	128.697.778.665

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối Q1-2025 của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 140.529.468.320 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 269,314,708,865 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
cho quý 1-2026**11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	-	48.263.364.404	12.963.472.454	61.226.836.858
Số dư cuối năm	-	48.263.364.404	12.963.472.454	61.226.836.858
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	14.949.370.360	1.446.594.376	16.395.964.736
- Trích khấu hao	-	1.775.577.069	359.188.170	2.134.765.239
Số dư cuối năm	-	16.724.947.429	1.805.782.546	18.530.729.975
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	-	33.313.994.044	11.516.878.078	44.830.872.122
Tại ngày cuối năm	-	31.538.416.975	11.157.689.908	42.696.106.883

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	dụng đất VND	hà VND	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	-	565.248.000	565.248.000
Số dư cuối năm	-	565.248.000	565.248.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	534.185.067	565.248.000
- Khấu hao trong năm	-	31.062.933	-
Số dư cuối năm	-	565.248.000	565.248.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	31.062.933	-
Tại ngày cuối năm	-	-	-

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 295,600,000 VND.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/03/2026 VND	01/01/2026 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	18.055.765.127	3.549.928.275
	18.055.765.127	3.549.928.275
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.200.782.223	2.877.278.743
Chi phí sử dụng thương hiệu (*)	20.000.000.000	23.000.000.000
	22.200.782.223	25.877.278.743

(*) Chi phí sử dụng thương hiệu từ Hợp đồng Li-xăng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa số 011222/CQSDNH/TT-HG ngày 01/12/2022 giữa Công ty và Công ty TNHH Top Tile có thời hạn 5 năm tính từ thời điểm tháng 12/2022 và thanh toán trước toàn bộ giá trị hợp đồng với số tiền là 60 tỷ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho quý 1-2026

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	460.814.719	460.814.719	291.890.381	291.890.381
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	460.814.719	460.814.719	291.890.381	291.890.381
<i>Bên khác</i>	231.023.080.788	231.023.080.788	233.498.095.315	233.498.095.315
Công ty Cổ phần Frit Huế	15.404.222.910	15.404.222.910	15.861.531.790	15.861.531.790
CN Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu Khí VN - XN PP Khí Thấp Áp Nhơn Forwell International (HK) Co., LTD	9.614.774.568	9.614.774.568	8.928.768.073	8.928.768.073
Đối tượng khác	58.982.692.224	58.982.692.224	46.238.674.300	46.238.674.300
	147.021.391.086	147.021.391.086	162.469.121.152	162.469.121.152
	231.483.895.507	231.483.895.507	233.789.985.696	233.789.985.696
b) Dài hạn				
<i>Bên khác</i>	35.155.092.676	35.155.092.676	49.216.060.600	49.216.060.600
Forwell International (HK) Co., LTD	35.155.092.676	35.155.092.676	49.216.060.600	49.216.060.600
	35.155.092.676	35.155.092.676	49.216.060.600	49.216.060.600

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	803.959.081	403.068.685
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	803.959.081	101.810.248
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal Sintered stone	-	301.258.437
<i>Bên khác</i>	78.525.621.325	62.314.291.908
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Hùng Ngọc	14.403.248.556	11.541.690.394
Công ty TNHH Thương mại và Vật liệu Xây dựng Thành Phát	12.399.249.491	14.234.870.531
Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ và Đầu Tư Hòa Phát Đạt	51.723.123.278	36.537.730.983
Đối tượng khác	79.329.580.406	62.717.360.593

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

cho quý 1-2026

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	14.587.280	14.587.280	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	275.610	-	-	303.023	578.633	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	13.291.791.110	296.573.297	771.780	-	13.587.592.627
Thuế Thu nhập cá nhân	-	1.659.646.532	-	1.101.916.389	-	557.730.143
	275.610	14.951.437.642	311.160.577	1.117.578.472	578.633	14.145.322.770

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
cho quý 1-2026**17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	1.634.887.007	1.554.193.134
- Trích trước chi phí tiền điện	1.755.110.195	1.301.329.123
- Trích trước chi phí nhiên liệu khí thấp áp	9.869.075.490	6.204.602.562
- Trích trước chi phí chưa có hóa đơn chứng từ	4.639.151.469	495.886.591
- Trích trước chi phí xuất nhập khẩu	1.500.000	
	17.899.724.161	9.556.011.410

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
a1) Chi tiết theo nội dung		
- Phải trả quỹ công đoàn cơ sở	5.956.955.102	5.955.571.452
- Bảo hiểm xã hội	1.748.845.287	934.699.363
- Bảo hiểm y tế	716.199.300	162.024.750
- Bảo hiểm thất nghiệp	313.335.000	69.963.600
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	205.500.000	205.500.000
- Thu lao HĐQT	-	26.801.360
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.451.327.256	5.201.918.575
	12.392.161.945	12.556.479.100
a2) Chi tiết theo đối tượng		
<i>Bên liên quan</i>	-	689.185.205
- Công ty Cổ phần Sản Xuất và Đầu Tư Royal House		689.185.205
<i>Bên khác</i>	12.392.161.945	11.867.293.895
- Cán bộ công nhân viên Công ty	3.063.406.951	3.118.392.982
- Công đoàn cấp cơ sở	5.956.955.102	5.955.571.452
- Cơ quan bảo hiểm	2.778.379.587	1.166.687.713
- Các đối tượng khác	593.420.305	1.626.641.748
	12.392.161.945	12.556.479.100
b) Dài hạn		
b1) Chi tiết theo nội dung		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	150.000.000	150.000.000
	150.000.000	150.000.000
b2) Chi tiết theo đối tượng		
- Công ty TNHH Quảng Lộc Phát	150.000.000	150.000.000
	150.000.000	150.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

cho quý 1-2026

19 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2026		Trong năm		31/03/2026	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	998.235.713.074	998.235.713.074	374.121.203.361	321.849.949.440	1.050.506.966.995	1.050.506.966.995
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa ⁽¹⁾	149.498.766.997	149.498.766.997	39.573.940.598	39.590.487.846	149.482.219.749	149.482.219.749
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đồng Nai ⁽²⁾	108.213.759.906	108.213.759.906	17.598.799.928	19.844.135.951	105.968.423.883	105.968.423.883
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Thống Nhất ⁽³⁾	129.589.320.447	129.589.320.447	62.477.573.245	69.524.636.526	122.542.257.166	122.542.257.166
- Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng Và Phát Triển-Chi nhánh Vũng Tàu ⁽⁴⁾	121.001.183.109	121.001.183.109	17.980.719.154	21.518.226.742	117.463.675.521	117.463.675.521
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	-	-	-	-	-	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Gia Định ⁽⁵⁾	59.962.433.792	59.962.433.792	47.614.374.288	48.603.674.942	58.973.133.138	58.973.133.138
- Ngân Hàng TMCP An Bình CN Sài Gòn ⁽⁶⁾	99.979.746.331	99.979.746.331	16.214.607.174	20.000.000.000	96.194.353.505	96.194.353.505
- Ngân hàng Woori - Chi nhánh Bắc Ninh ⁽⁷⁾	79.999.969.184	79.999.969.184	-	-	79.999.969.184	79.999.969.184
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam Chi nhánh Sài Gòn ⁽⁸⁾	149.996.827.296	149.996.827.296	46.663.870.649	54.749.033.417	141.911.664.528	141.911.664.528
- Ngân hàng TNHH một thành viên United Overseas Bank (Việt Nam) - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ⁽⁰⁹⁾	99.993.706.012	99.993.706.012	48.004.963.512	48.011.979.368	99.986.690.156	99.986.690.156
- NH KASIKORN-CN TP.HCM	-	-	77.233.725.613	-	77.233.725.613	77.233.725.613

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

cho quý 1-2026

	01/01/2026		Trong năm		31/03/2026	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Vay ngắn hạn khác	-	-	758.629.200	7.774.648	750.854.552	750.854.552
19 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp)						
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	11.982.376.912	11.982.376.912	11.945.827.018	11.982.376.912	11.945.827.018	11.945.827.018
- Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn	5.163.131.200	5.163.131.200	5.126.581.300	5.163.131.200	5.126.581.300	5.126.581.300
- Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chaileas ⁽¹¹⁾	4.884.215.208	4.884.215.208	4.884.215.214	4.884.215.208	4.884.215.214	4.884.215.214
- Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV Sumi Trust ⁽¹²⁾	1.935.030.504	1.935.030.504	1.935.030.504	1.935.030.504	1.935.030.504	1.935.030.504
	1.010.218.089.986	1.010.218.089.986	386.067.030.379	333.832.326.352	1.062.452.794.013	1.062.452.794.013
b) Vay dài hạn						
- Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn	8.511.322.628	8.511.322.628	-	1.290.782.800	7.220.539.828	7.220.539.828
- Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chaileas ⁽¹¹⁾	6.105.269.016	6.105.269.016	-	1.221.053.802	4.884.215.214	4.884.215.214
- Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV Sumi Trust ⁽¹²⁾	7.417.616.954	7.417.616.954	-	483.757.626	6.933.859.328	6.933.859.328
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa ⁽¹³⁾	3.315.969.200	3.315.969.200	-	321.000.000	2.994.969.200	2.994.969.200
	25.350.177.798	25.350.177.798	-	3.316.594.228	22.033.583.570	22.033.583.570
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(11.982.376.912)	(11.982.376.912)	(11.945.827.018)	(11.982.376.912)	(11.945.827.018)	(11.945.827.018)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	13.367.800.886	13.367.800.886			10.087.756.552	10.087.756.552

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

cho quý I-2026

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	450.000.000.000	40.010.480.000	57.353.390.932	123.477.616.304	670.841.487.236
Lãi trong năm trước	-	-	-	26.498.277.035	26.498.277.035
Phân phối lợi nhuận	-	-	37.043.284.891	(52.386.718.032)	(15.343.433.141)
Số dư cuối năm trước	450.000.000.000	40.010.480.000	94.396.675.823	97.589.175.307	681.996.331.130
Số dư đầu năm nay	450.000.000.000	40.010.480.000	94.396.675.823	97.589.175.307	681.996.331.130
Lãi trong năm nay	-	-	-	1.152.098.573	1.152.098.573
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	450.000.000.000	40.010.480.000	94.396.675.823	98.741.273.880	683.148.429.703

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 31/2025/NQ-ĐHĐCD ngày 20/06/2025, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00	123.477.616.304
Trích Quỹ đầu tư phát triển	30,00	37.043.284.891
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, ban điều hành	7,00	8.643.433.141
Chi bổ sung thu lao hội đồng quản trị, ủy ban kiểm toán	5,43	6.700.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 10% vốn điều lệ)	43,73	54.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	13,84	17.090.898.272

Trong đó đối với khoản chi trả cổ tức bằng 10% vốn điều lệ, Công ty chưa thực hiện chi trả trong năm 2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho quý 1-2026

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Ông Đinh Việt Anh	20,80	93.600.000.000	20,80	93.600.000.000
Bà Lê Thị Vi Na	2,22	10.000.000.000	2,22	10.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Lê	10,70	48.160.000.000	10,70	48.160.000.000
Ông Huỳnh Quang Bá	3,60	16.200.000.000	3,60	16.200.000.000
Ông Trương Văn Việt	0,87	3.930.000.000	0,87	3.930.000.000
Các cổ đông khác	61,80	278.110.000.000	61,80	278.110.000.000
	100,00	450.000.000.000	100,00	450.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Q1- 2026 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	450.000.000.000	450.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>450.000.000.000</i>	<i>450.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>450.000.000.000</i>	<i>450.000.000.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	<i>205.500.000</i>	<i>205.500.000</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	<i>205.500.000</i>	<i>205.500.000</i>

d) Cổ phiếu

	31/03/2026	01/01/2026
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	45.000.000	45.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	45.000.000	45.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>45.000.000</i>	<i>45.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.000.000	45.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>45.000.000</i>	<i>45.000.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2025, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/03/2026 VND	01/01/2026 VND
- Từ 1 năm trở xuống	3.641.400.000	3.641.400.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	14.565.600.000	14.565.600.000
- Trên 5 năm	100.441.950.000	100.441.950.000
	118.648.950.000	118.648.950.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho quý 1-2026

b) Ngoại tệ các loại

	<u>31/03/2026</u>	<u>01/01/2026</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	12.956,92	25.774,51

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Q1- 2026</u>	<u>Năm 2024</u>
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	146.655.132.124	167.968.245.301
Doanh thu bán hàng hoá	69.187.044.633	74.626.241.742
Doanh thu bán nguyên vật liệu	218.286.810.141	223.742.903.429
Doanh thu cung cấp dịch vụ	750.183.388	750.117.009
	<u>434.879.170.286</u>	<u>467.087.507.481</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (<i>Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số</i>)	<u>47.872.669.372</u>	<u>49.601.277.433</u>

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Q1- 2026</u>	<u>Năm 2024</u>
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	119.231.121.775	130.762.156.628
Giá vốn của hàng hóa đã bán	62.404.057.144	69.957.230.297
Giá vốn của nguyên vật liệu đã bán	214.912.978.019	220.255.542.062
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.085.373.578	927.854.820
	<u>397.633.530.516</u>	<u>421.902.783.807</u>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan (<i>Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số</i>)		
Tổng giá trị mua vào:	<u>3.486.807.479</u>	<u>20.137.833.825</u>

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Q1- 2026</u>	<u>Năm 2024</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.428.200.394	1.348.424.173
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	192.004.585	68.999.582
Lãi chênh lệch tỷ giá đo đánh giá lại số dư cuối năm	31.579.996	1.773.756.359
	<u>2.651.784.975</u>	<u>3.191.180.114</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
cho quý 1-2026**26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Q1- 2026</u>	<u>Năm 2024</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	16.146.131.750	14.480.962.835
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	184.032.940	109.920.648
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	912.019	23.455.792
Chi phí tài chính khác		748.214.947
	<u>16.331.076.709</u>	<u>15.362.554.222</u>

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<u>Q1- 2026</u>	<u>Năm 2024</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	484.712.502	393.676.114
Chi phí nhân công	2.898.690.092	2.763.403.788
Chi phí khấu hao tài sản cố định	224.144.818	232.413.966
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.930.065.952	6.657.485.139
Chi phí khác bằng tiền	170.199.000	357.623.169
	<u>9.707.812.364</u>	<u>10.404.602.176</u>

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Q1- 2026</u>	<u>Năm 2024</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	211.561.719	240.974.281
Chi phí nhân công	6.157.169.699	5.991.386.378
Chi phí khấu hao tài sản cố định	417.837.210	364.989.222
Thuế, phí, lệ phí	-	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.776.521.011	8.447.968.292
Chi phí khác bằng tiền	298.011.161	580.100.380
	<u>11.861.100.800</u>	<u>15.628.418.553</u>

29 . THU NHẬP KHÁC

	<u>Q1- 2026</u>	<u>Năm 2024</u>
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	60.000.000	
Thu nhập từ được thưởng, bồi thường	6.034.232	
Thu nhập khác	25.942	1.854.466
	<u>66.060.174</u>	<u>1.854.466</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
cho quý 1-2026**30 . CHI PHÍ KHÁC**

	<u>Q1- 2026</u>	<u>Năm 2024</u>
	VND	VND
Các khoản bị phạt	22.147.134	
Thanh lý phế liệu	254.655.000	72.435.249
Xuất hàng khuyến mại chưa đăng ký với sở Công thương	-	
Chi phí khác	338.021.042	18.730.554
	<u>614.823.176</u>	<u>91.165.803</u>

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Q1- 2026</u>	<u>Năm 2024</u>
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.448.671.870	6.891.017.500
Các khoản điều chỉnh tăng	34.194.615	1.085.414.384
- Chi phí không hợp lệ	34.194.615	1.085.414.384
Thu nhập chịu thuế TNDN	1.482.866.485	7.976.431.884
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	<u>296.573.297</u>	<u>1.595.286.377</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	13.291.791.110	15.348.552.796
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(771.780)	
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	<u>13.587.592.627</u>	<u>16.943.839.173</u>

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Q1- 2026</u>	<u>Năm 2024</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	80.514.968.213	48.765.580.937
Chi phí nhân công	30.043.424.659	41.910.417.919
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.975.194.530	8.062.901.035
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.873.110.792	26.943.373.470
Chi phí khác bằng tiền	536.087.977	1.222.595.303
	<u>139.942.786.171</u>	<u>126.904.868.664</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho quý 1-2026

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/03/2026				
Tiền và các khoản tương	9.964.868.701	-	-	9.964.868.701
Phải thu khách hàng, phải thu	584.501.068.884	5.154.855.155	-	589.655.924.039
Các khoản cho vay	230.561.136.500	-	-	230.561.136.500
	<u>825.027.074.085</u>	<u>5.154.855.155</u>	<u>-</u>	<u>830.181.929.240</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIAĐường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
cho quý 1-2026

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2026				
Tiền và các khoản tương	8.782.481.035	-	-	8.782.481.035
Phải thu khách hàng, phải thu	580.646.052.239	4.751.459.016	-	585.397.511.255
Các khoản cho vay	204.148.268.161	-	-	204.148.268.161
	793.576.801.435	4.751.459.016	-	798.328.260.451

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/03/2026				
Vay và nợ	1.062.452.794.013	10.087.756.552	-	1.072.540.550.565
Phải trả người bán, phải trả	243.876.057.452	150.000.000	-	244.026.057.452
Chi phí phải trả	17.899.724.161	-	-	17.899.724.161
	1.324.228.575.626	10.237.756.552	-	1.334.466.332.178
Tại ngày 01/01/2026				
Vay và nợ	1.010.218.089.986	13.367.800.886	-	1.023.585.890.872
Phải trả người bán, phải trả	246.346.464.796	150.000.000	-	246.496.464.796
Chi phí phải trả	9.556.011.410	-	-	9.556.011.410
	1.266.120.566.192	13.517.800.886	-	1.279.638.367.078

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho quý 1-2026

34 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**a) Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**

	<u>Q1- 2026</u>	<u>Năm 2024</u>
	VND	VND
Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	(400.896.000)	24.166.545.640

b) Số tiền đi vay thực thu trong Q1-2025

	<u>Q1- 2026</u>	<u>Năm 2024</u>
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.053.740.081.876	1.188.162.296.687

c) Số tiền đã thực trả gốc vay trong Q1-2025

	<u>Q1- 2026</u>	<u>Năm 2024</u>
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	998.235.713.074	934.786.134.074

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	<u>Sản phẩm Gạch Ceramic</u>	<u>Sản phẩm Gạch Porcelain</u>	<u>Hoạt động khác</u>	<u>Tổng cộng toàn doanh nghiệp</u>
	VND	VND	VND	VND
thuần từ bán hàng ra bên ngoài	119.795.135.472	80.012.164.361	235.071.870.453	434.879.170.286
Chi phí bộ phận trực tiếp	103.503.749.957	67.089.659.876	227.040.120.683	397.633.530.516
Lợi nhuận từ hoạt động kinh	<u>16.291.385.515</u>	<u>12.922.504.485</u>	<u>8.031.749.770</u>	<u>37.245.639.770</u>
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	-	4.357.791.904
Tài sản bộ phận	403.093.740.774	269.229.652.044	790.983.700.951	1.463.307.093.769
Tài sản không				715.239.614.318
Tổng tài sản	<u>403.093.740.774</u>	<u>269.229.652.044</u>	<u>790.983.700.951</u>	<u>2.178.546.708.087</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho quý 1-2026

	Sản phẩm Gạch Ceramic VND	Sản phẩm Gạch Porcelain VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Nợ phải trả bộ	401.798.830.972	268.364.771.050	788.442.722.406	1.458.606.324.428
Nợ phải trả				36.791.953.956
Tổng nợ phải	401.798.830.972	268.364.771.050	788.442.722.406	1.495.398.278.384
Theo khu vực địa lý				
		Trong nước VND	Xuất khẩu VND	doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		394.975.417.632	39.903.752.654	434.879.170.286
Tài sản bộ phận				2.178.546.708.087
Tổng chi phí mua TSCĐ				4.357.791.904

NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Bên liên quan****Mối quan hệ**

Royal American Wholesale

Bà Huỳnh Thị Đông Thi cổ đông lớn của Royal American Wholesale và là vợ của Ông Đình Việt Anh

Công ty Cổ phần Vinagres

Ông Huỳnh Sơn Tùng là Chủ tịch HĐQT, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Vinagres là em vợ của ông Đình Việt Anh

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal
Công ty Cổ phần Báo Sơn XanhCông ty liên doanh liên kết
Bà Lê Thị Vi Na là Tổng giám đốc, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Báo Sơn Xanh là cổ đông lớn của Công ty đến thời điểm 10/11/2025.

Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê

Bà Huỳnh Thị Đông Thi là Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê, là vợ của ông Đình Việt Anh.

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng
Gia Miền Tây

Ông Huỳnh Sơn Tùng là Chủ tịch HĐQT, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây là em vợ của ông Đình Việt Anh

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal
Sintered Stone
Ông Đình Việt AnhCông ty con
Chủ tịch HĐQT kiêm Thành viên Ủy ban Kiểm toán

Bà Huỳnh Thị Đông Thi

Vợ ông Đình Việt Anh - Chủ tịch HĐQT.

Ông Trịnh Xuân Hùng

Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm Tổng Giám đốc ngày 02/07/2024)

Ông Huỳnh Sơn Tùng

Em trai bà Huỳnh Thị Đông Thi - vợ ông Đình Việt Anh

Ông Phan Bá Hiệu
Ông Trương Văn ViệtPhó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho quý I-2026

Ông Nguyễn Anh Bình Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15/08/2025)
Bà Nguyễn Thị Kim Loan Kế toán trưởng
Ông Phạm Hữu Phú Thành viên HĐQT kiêm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán

Bà Lê Thị Vi Na Cổ đông lớn của Công ty đến thời điểm 10/11/2025

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	<u>Q1- 2026</u>	<u>Năm 2024</u>
	VND	VND
Doanh thu	47.872.669.372	49.601.277.433
Công ty Cổ phần Vinagres	40.863.724.404	35.337.885.013
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	4.910.050.306	270.880.000
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	8.303.860	5.577.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây	477.378.196	11.855.232.302
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal Sintered Stone	1.613.212.606	2.131.703.118
Mua hàng	3.486.807.479	20.137.833.825
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	155.939.024	
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	10.293.521	5.189.250
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal Sintered Stone	3.320.574.934	20.132.644.575
Chi phí bán hàng	1.306.991.727	1.306.991.727
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal Sintered Stone	1.306.991.727	1.306.991.727
	<u>Q1- 2026</u>	<u>Năm 2024</u>
	VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		
Ông Đinh Việt Anh	208.193.930	205.175.350
Ông Trương Văn Việt	199.769.040	199.769.040
Ông Phan Bá Hiệu	157.622.980	157.622.980
Ông Nguyễn Anh Bình	154.406.280	154.406.280
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	158.155.860	158.155.860

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,
xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho quý 1-2026

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

		
Nguyễn Thị Kim Loan Người lập	Nguyễn Thị Kim Loan Kế toán trưởng	Trương Văn Việt Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 04 năm 2026